

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXXII

Phẩm 11: BỒ TÁT SƯ TỬ HỒNG 6

Bồ-tát Sư Tử Hồng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả nghiệp thọ quả báo không cố định mà tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, thì lẽ ra phải tu tập tám Thánh đạo nhưng vì nhân duyên gì mà tất cả chúng sinh đều chẳng được Đại Bát Niết Bàn này?

Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả chúng sinh có Phật tánh thì chắc chắn sẽ chứng được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cần gì phải tu tập tám Thánh đạo?

Bạch Thế Tôn! Như trong kinh này nói, có người bị bệnh nếu được thầy thuốc, thuốc hay và người chăm sóc bệnh tùy theo bệnh mà cho ăn uống, hoặc chẳng được như vậy thì cũng đều trừ được bệnh. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, nếu gặp Thanh văn, Phật-bích-chi, chư Phật, Bồ-tát cùng các thiện tri thức, hoặc nghe thuyết pháp tu tập Thánh đạo, hoặc không gặp, không nghe, không tu tập Thánh đạo cũng đều sẽ đạt được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì có Phật tánh.

Bạch Thế Tôn! Ví như không ai có thể ngăn mặt trời mặt trăng làm cho không đến được trên sườn núi Ngạch-đa, bốn dòng sông lớn không chảy đến biển cả và hàng Nhất-xiển-đề không đến địa ngục. Tất cả chúng sinh cũng như thế, không ai có thể ngăn cản làm cho không đạt đến quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì có Phật tánh. Bạch Thế Tôn! Do ý nghĩa này nên tất cả chúng sinh không cần phải tu đạo, mà do năng lực của Phật tánh cho nên đạt được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chứ không do năng lực

tu tập Thánh đạo.

Bạch Thế Tôn! Nếu Nhất-xiển-đề, phạm bốn trọng tội, bị năm tội nghịch thì không đạt được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lẽ ra cần phải tu tập, nhưng vì nhân Phật tánh nên chắc chắn sẽ đạt được, chẳng phải do tu tập sau đó mới đạt được.

Bạch Thế Tôn! Ví như đá nam châm tuy bỏ cách xa sắt nhưng do lực của nó nên sắt bị hút dính. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy, vì thế nên không cần phải siêng năng tu tập Thánh đạo.

Phật bảo:

–Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam! Như bên bờ sông Hằng có bảy hạng người, hoặc vì tắm rửa, hoặc lo sợ giặc cướp, hoặc vì hái hoa nên vào trong sông. Người thứ nhất vào trong nước thì bị chìm. Vì sao? Vì yếu đuối không có sức lực và chẳng biết bơi. Người thứ hai tuy bị chìm nhưng lại nổi lên, nổi lên rồi lại chìm. Vì sao? Vì do sức mạnh nên có thể nổi lên, nhưng vì không biết bơi nên lại bị chìm xuống. Người thứ ba chìm rồi lại nổi lên, nổi lên rồi chẳng bị chìm xuống nữa. Vì sao? Vì thân nặng cho nên chìm, do sức mạnh nên nổi lên, vì trước đây đã tập bơi nên nổi rồi liền đứng vững. Người thứ tư vào nước rồi liền chìm, chìm rồi lại nổi lên, nổi lên rồi đứng vững, nhìn khắp bốn phía. Vì sao? Vì người này thân nặng nên chìm, vì có sức mạnh lại nổi lên, biết bơi nên được đứng vững, vì chẳng biết chỗ nổi lên nên nhìn bốn phía. Người thứ năm vào nước rồi liền chìm, chìm rồi liền nổi lên, nổi lên rồi liền đứng vững, đứng rồi nhìn phương hướng, nhìn xong bơi đi. Vì sao? Vì lo sợ. Người thứ sáu vào nước liền bơi đi đến chỗ cạn thì đứng lại. Vì sao? Vì để xem giặc gần hay xa. Người thứ bảy đã qua đến bờ bên kia, leo lên núi cao không còn lo sợ, thoát khỏi các oán tặc tâm rất vui sướng.

Nay thiện nam! Sông lớn sinh tử cũng thế, có bảy hạng người vì sợ giặc phiền não phát tâm muốn lợi qua sông lớn sinh tử nên xuất gia, cạo râu tóc, thân mặc pháp phục. Đã xuất gia rồi lại gần gũi bạn ác, nghe theo lời của họ mà thọ tà pháp. Họ cho rằng thân chúng sinh tức là năm ấm, năm ấm tức là năm đại, chúng sinh nếu chết thì năm đại dứt hẳn, nếu dứt hẳn năm đại thì cần gì tu tập các nghiệp

thiện ác. Vì thế biết không có thiện ác và quả báo thiện ác. Như vậy gọi là Nhất-xiển-đề. Nhất-xiển-đề là dứt căn lành, vì dứt căn lành nên chìm trong sông sinh tử không ra được. Vì sao? Vì nghiệp ác nặng và không có đức tin, như người thứ nhất bên bờ sông Hằng. Đây thiện nam! Hàng Nhất-xiển-đề có sáu nhân duyên bị chìm trong ba đường ác không thoát được. Những gì là sáu? Một là vì tâm ác nung nấu mãnh liệt, hai là vì chẳng thấy đời sau, ba là vì ưa huân tập phiền não, bốn là vì xa lìa căn lành, năm là vì nghiệp chướng ngăn trở, sáu là vì gán gũi ác tri thức. Lại có năm việc làm cho họ bị chìm trong ba đường ác. Những gì là năm việc? Một là làm việc phi pháp ở bên các Tỳ-kheo, hai là làm việc phi pháp ở bên các Tỳ-kheo-ni, ba là tự do dùng vật dụng của chúng tăng, bốn là cùng làm việc phi pháp bên mẹ, năm là đối với năm bộ Tăng làm cho phát sinh sự phải quấy với nhau. Lại có năm việc làm cho họ bị chìm trong ba đường ác. Những gì là năm việc? Một là thường nói không có quả báo thiện ác, hai là giết chúng sinh phát tâm Bồ-đề, ba là ưa nói lỗi lầm của pháp sư, bốn là pháp nói là phi pháp phi pháp nói là pháp, năm là vì tìm lỗi của pháp nên nghe, lãnh thọ. Lại có ba việc làm cho họ chìm đắm trong ba đường ác. Những gì là ba việc? Một là nói Như Lai vô thường hoàn toàn đoạn diệt, hai là nói chánh pháp vô thường dời đổi, ba là nói Tăng bảo có thể hoại diệt. Vì thế nên thường bị chìm đắm trong ba đường ác.

Người thứ hai phát tâm muốn lợi qua sông lớn sinh tử, vì dứt căn lành nên bị chìm đắm không thể khởi được. Ra khỏi là, gán gũi bạn lành thì có được lòng tin, tức là tin bố thí và quả bố thí, tin việc lành và quả của việc lành, tin điều ác và quả của điều ác, tin sinh tử là khổ, vô thường hoại diệt. Đó gọi là tin. Vì có lòng tin nên tu tịnh giới, thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải nói, thường thích bố thí, khéo tu trí tuệ, nhưng vì căn tánh chậm lụt, lại gặp bạn ác nên không thể tu tập thân, giới, tâm, tuệ, chỉ nghe và lãnh thọ tà pháp, hoặc gặp thời kỳ ác ở nơi cõi nước ác nên dứt mất các căn lành. Vì dứt căn lành nên thường chìm đắm trong sinh tử như người thứ hai bên bờ sông Hằng.

Người thứ ba phát tâm muốn lợi qua sông lớn sinh tử, vì dứt

mất căn lành nên bị chìm đắm trong sông. Người này vì gần gũi bạn lành nên gọi là nổi lên, tin Như Lai là bậc Nhất thiết trí thường hằng không biến đổi, vì chúng sinh nên diễn nói đạo vô thượng, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, Như Lai chẳng hoại diệt, hàng Nhất-xiển-đề nếu chẳng dứt pháp ác của mình thì chắc chắn không có thể đắc được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà phải xa lìa chúng sau đó mới đạt được. Do tín tâm nên tu tập tịnh giới, tu tịnh giới rồi thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải nói Mười hai bộ loại kinh văn, vì chúng sinh mà diễn nói rộng rãi, ưa bố thí, tu tập trí tuệ, do căn tín lành lợi nên trụ vững nơi tín tuệ, tâm không thoái chuyển, như người thứ ba bên bờ sông Hằng.

Người thứ tư phát tâm muốn lợi qua sông lớn sinh tử, vì dứt căn lành nên chìm đắm trong đó, do gần gũi bạn lành có được lòng tin nên gọi là nổi lên; vì lòng tin nên thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải nói Mười hai bộ loại kinh văn, vì chúng sinh nên diễn nói rộng rãi, ưa thích bố thí, tu tập trí tuệ, vì căn trí lành lợi nên trụ vững nơi tín tuệ, tâm không thoái chuyển quan sát bốn phương là nói bốn quả Samôn, như người thứ tư bên bờ sông Hằng.

Người thứ năm phát tâm muốn lợi qua sông lớn sinh tử, nhưng vì dứt căn lành nên bị chìm đắm trong đó, vì gần gũi bạn lành nên có được lòng tin, đây gọi là nổi lên, do lòng tin nên thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải nói mười hai bộ loại kinh văn, vì chúng sinh nên diễn nói rộng rãi, ưa bố thí, tu tập trí tuệ, tâm không thoái chuyển rồi liền thẳng đến trước, thẳng đến trước là nói quả Phật-bích-chi, tuy có thể tự lợi qua chẳng đem theo chúng sinh, đây gọi là đi, như người thứ năm bên bờ sông Hằng.

Người thứ sáu phát tâm muốn lợi qua sông lớn sinh tử, vì dứt căn lành nên chìm đắm trong đó, nhưng nhờ gần gũi bạn lành nên có được lòng tin, vì có được lòng tin nên gọi là nổi lên. Do lòng tin nên thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải nói Mười hai bộ loại kinh văn, vì chúng sinh nên diễn nói rộng rãi, ưa bố thí, tu tập trí tuệ, vì căn trí lành lợi nên trụ vững nơi tín tuệ, tâm không thoái chuyển, không thoái chuyển rồi liền tiến thẳng tới trước đến chỗ cạn, đến chỗ cạn rồi đứng lại chẳng đi nữa. Đứng lại chẳng đi là nói Bồ-tát vì muốn

độ thoát các chúng sinh nên đứng lại quan sát phiền não, như người thứ sáu bên bờ sông Hằng.

Người thứ bảy phát tâm muốn lội qua sông lớn sinh tử, vì dút căn lành nên bị chìm đắm trong đó, nhưng nhờ gấn gũi bạn lành nên có được lòng tin, có được lòng tin gọi là nổi lên. Do lòng tin nên thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải nói Mười hai bộ loại kinh văn, vì chúng sinh nên diễn nói rộng rãi, ưa bố thí, tu tập trí tuệ, vì căn trí lanh lợi nên trụ vững nơi tín tuệ, tâm không thoái chuyển, không thoái chuyển rồi liền tiến thẳng tới trước, đã thẳng đến trước rồi được đến bờ bên kia, leo lên núi cao, lìa khỏi sự sợ hãi, hưởng nhiều sự an vui.

Này thiện nam! Núi ở bờ bên kia là dụ cho Như Lai, hưởng sự an vui là dụ cho Phật thường trụ, núi cao là dụ cho Đại Niết-bàn.

Này thiện nam! Những người ở bên sông Hằng kia đều có đủ tay chân mà không thể lội qua được. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, thật có Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo. Như Lai thường nói nghĩa cốt yếu của các pháp có tám Thánh đạo và Đại Bát Niết Bàn mà các chúng sinh đều chẳng thể đạt đến. Đây chẳng phải lỗi của Như Lai, cũng chẳng phải lỗi của Thánh đạo, lỗi của các chúng sinh, mà nên biết đây đều là lỗi ác phiền não. Do nghĩa này nên tất cả chúng sinh đều chẳng được Niết-bàn.

Này thiện nam! Ví như lương y biết bệnh nói phương thuốc, người bệnh chẳng chịu uống thì chẳng phải lỗi của lương y.

Này thiện nam! Ví như có thí chủ đem của cải của mình bố thí cho mọi người, có người chẳng nhận thì chẳng phải lỗi của thí chủ.

Này thiện nam! Ví như mặt trời mọc, ánh sáng đều chiếu đến các chỗ tối tăm, người mù lòa chẳng thấy được con đường thì chẳng phải là lỗi của mặt trời.

Này thiện nam! Ví như nước sông Hằng có thể giải trừ cơn khát, người khát nước chẳng chịu uống thì chẳng phải là lỗi của nước.

Này thiện nam! Như đất đai sinh ra quả hạt bình đẳng không phân biệt, nhưng nông dân chẳng gieo trồng thì chẳng phải lỗi của đất.

Này thiện nam! Như Lai vì khắp tất cả chúng sinh mà rộng mở bày phân biệt Mười hai bộ loại kinh văn, chúng sinh chẳng chịu thọ trì thì chẳng phải là lỗi của Như Lai

Này thiện nam! Nếu người tu tập đạo thì đạt được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này thiện nam! Ông nói chúng sinh đều có Phật tánh nên đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như đá nam châm. Hay thay! Hay thay! Vì có sức nhân duyên Phật tánh nên đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu nói không cần tu Thánh đạo thì nghĩa này không đúng. Này thiện nam! Ví như người đi trên đồng hoang vắng khát nước gặp được giếng. Giếng đó rất sâu, tuy không thấy nước nhưng chắc chắn có. Người ấy tìm cách múc nước, dùng dây buộc vào lọ mà múc thì thấy có nước. Phật tánh cũng vậy, tuy tất cả chúng sinh đều có nhưng cần phải tu tập Thánh đạo vô lậu rồi sau mới thấy được.

Này thiện nam! Như có hạt mè thì mới thấy được dầu, lia các phương tiện thì chẳng thấy được, cây mía cũng như vậy.

Này thiện nam! Như cõi trời Tam Thập Tam và châu Bắc-câu-lô tuy là có pháp, nhưng nếu không có nghiệp thiện, thần thông, đạo lực thì chẳng thể thấy được. Như rễ cỏ trong đất và nước dưới đất, vì đất che nên chúng sinh chẳng thấy. Phật tánh cũng như vậy, vì chẳng tu Thánh đạo nên không thấy được.

Này thiện nam! Như lời ông nói, ở đời có người bệnh nếu gặp được lương y, thuốc hay, người chăm sóc, tùy theo bệnh mà cho ăn uống và nếu chẳng gặp thì đều được lành bệnh.

Này thiện nam! Ta vì các Bồ-tát lục trụ nên nói nghĩa này. Này thiện nam! Ví như hư không đối với chúng sinh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, vì chẳng phải trong ngoài nên cũng không trở ngại. Phật tánh của chúng sinh cũng như thế.

Này thiện nam! Như có người để của cải ở phương khác, tuy không hiện có nhưng người này vẫn tùy ý thọ dùng, có người hỏi đến tiền của thì nói tôi hứa cho. Vì sao? Vì chắc chắn có. Phật tánh của chúng sinh cũng lại như vậy, chẳng phải đây chẳng phải kia, vì chắc

chấn đạt được nên nói tất cả chúng sinh đều có.

Này thiện nam! Ví như chúng sinh tạo ra các nghiệp, hoặc thiện, hoặc ác, chẳng phải trong chẳng phải ngoài. Tánh nghiệp như vậy chẳng phải có chẳng phải không, cũng chẳng phải xưa không mà nay có, chẳng phải không nhân mà sinh ra, chẳng phải đây làm rồi đây thọ hay đây làm mà kia thọ, kia làm mà kia thọ hay không làm không thọ, lúc thời tiết hòa hợp thì có quả báo. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy, chẳng phải là xưa không mà nay có, chẳng phải trong chẳng phải ngoài, chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải đây chẳng phải kia, chẳng phải chỗ khác đến, chẳng phải không nhân duyên, cũng chẳng phải tất cả chúng sinh chẳng thấy. Có các Bồ-tát lúc thời tiết nhân duyên hòa hợp mới thấy được. Thời tiết đây là nói Đại Bồ-tát Thập trụ tu tám Thánh đạo, đối với chúng sinh được tâm bình đẳng. Bấy giờ thấy được Phật tánh chẳng gọi là tạo tác.

Này thiện nam! Ông nói như đá nam châm thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì đá chẳng hút sắt. Vì sao? Vì không có nghiệp của tâm.

Này thiện nam! Do pháp khác có nên pháp khác sinh ra, do pháp không có nên pháp hoại diệt, không có người làm cũng không có người hủy hoại.

Này thiện nam! Như ngọn lửa mạnh chẳng thể đốt cháy được củi, lửa phát ra củi hư hoại gọi là đốt củi.

Này thiện nam! Ví như bông quỳ xoay theo mặt trời nhưng bông quỳ này cũng không có tâm cung kính, không có thức cũng không có nghiệp, vì tánh chất riêng của nó nên tự xoay chuyển.

Này thiện nam! Như cây chuối nhân tiếng sấm mà được tăng trưởng, cây này không có lỗ tai, không có tâm ý thức, nhưng vì pháp này có nên pháp kia tăng trưởng, vì pháp này không nên pháp kia hoại diệt.

Này thiện nam! Như cây A-thúc-ca, người nữ chạm đụng đến thì nở hoa, cây này không có tâm cũng không có tưởng xúc, vì pháp này có nên pháp kia sinh ra, vì pháp này không nên pháp kia hoại

diệt.

Này thiện nam! Như cây quýt bốn tử thì trái thêm nhiều, mà cây quýt này không có tâm thức cũng không có giác xúc, vì có pháp kia nên pháp này thêm nhiều, vì không có pháp kia nên pháp này hoại diệt.

Này thiện nam! Như cây An-thạnh-lưu vì bốn gạch, xương, phân nên trái mới sum suê. Cây An-thạch-lưu này không có tâm thức cũng không có giác xúc, vì pháp này có nên pháp kia sinh ra, vì pháp này không nên pháp kia hoại diệt.

Này thiện nam! Đá nam châm hút sắt cũng vậy, do pháp này có nên pháp kia sinh, do pháp này không nên pháp kia hoại diệt. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy, chẳng thể hút được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này thiện nam! Vô minh chẳng thể hút lấy các hành, hành cũng chẳng thể hút lấy thức, nhưng cũng được gọi là vô minh duyên hành, hành duyên thức, có Phật hay không có pháp Phật giới vẫn thường trụ.

Này thiện nam! Nếu nói Phật tánh trụ trong chúng sinh thì Này thiện nam! Nên biết pháp thường vô trụ, nếu có chỗ trụ tức là vô thường. Này thiện nam! Như mười hai nhân duyên hoàn toàn không có chỗ trụ, nếu có chỗ trụ thì mười hai nhân duyên chẳng gọi là thường. Pháp thân Như Lai cũng không chỗ trụ. Pháp giới, pháp nhập, pháp ấm, hư không đều không chỗ trụ. Phật tánh cũng vậy đều không chỗ trụ.

Này thiện nam! Ví như lực của bốn đại tuy quân bình có cứng, có nóng, có ướt, có động, có nặng, có nhẹ, có đỏ, có trắng, có vàng, có đen, nhưng bốn đại này cũng không có nghiệp, vì pháp giới khác nhau nên đều chẳng giống nhau. Phật tánh cũng như vậy, vì pháp giới khác nhau nên thời đến thì hiện.

Này thiện nam! Vì tất cả chúng sinh chẳng thoái mất Phật tánh nên gọi là có, vì bất thoái chuyển, vì sẽ có, vì chắc chắn đạt được, vì chắc chắn sẽ thấy nên gọi là tất cả chúng sinh đều có Phật tánh.

Này thiện nam! Ví như quốc vương bảo một đại thần: “Người

hãy dắt một con voi đến chỉ cho người mù”. Bấy giờ đại thần nhận lệnh của vua liền tập hợp những người mù đem con voi chỉ cho họ. Lúc ấy những người mù đều lấy tay sờ voi. Đại thần liền trở về tâu với quốc vương: “Thần đã chỉ cho họ xem rồi”. Vua liền gọi những người mù đến hỏi: “Các người thấy voi chẳng?”. Những người mù đều tâu: “Chúng thần được thấy”. Vua hỏi: “Con voi hình dạng như thế nào?”. Người sờ ngà voi thưa: “Voi hình như củ cải”; người sờ tai thưa: “Voi như cái sàng”; người sờ đầu thưa: “Voi như khối đá”; người sờ vòi thưa: “Voi giống như cái chày”; người sờ chân thưa: “Voi giống như cái cối gỗ”; người sờ lưng thưa: “Voi giống như cái giường”; người sờ bụng thưa: “Voi giống như cái lu”; người sờ đuôi thưa: “Voi giống như sợi dây”.

Này thiện nam! Những người mù ấy chẳng nói đúng thân hình của voi nhưng cũng chẳng phải là không. Các tướng ấy đều chẳng phải hình voi, nhưng lia những tướng này ra thì lại không có voi riêng biệt.

Này thiện nam! Vua là dụ cho Như Lai Chánh Biến Tri, đại thần là dụ cho kinh Phương Đẳng Đại Niết Bàn, voi là dụ cho Phật tánh, những người mù là dụ cho tất cả các chúng sinh vô minh. Những chúng sinh này nghe Phật dạy, hoặc nói thế này: Sắc là Phật tánh. Vì sao? Vì sắc này tuy diệt nhưng tuần tự nối tiếp, cho nên đạt được ba mươi hai tướng tốt của Như Lai vô thường. Vì sắc của Như Lai thường hằng chẳng đoạn dứt, cho nên nói sắc là Phật tánh. Ví như vàng thật, tuy chất vàng thay đổi nhưng màu sắc vẫn thường chẳng khác, hoặc có lúc làm vòng, làm côn, làm mâm, nhưng sắc vàng ban đầu vẫn không đổi khác. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy. Lại như chất ấy tuy vô thường mà sắc là thường. Vì thế nên nói sắc là Phật tánh. Hoặc có người nói: Thọ là Phật tánh. Vì sao? Vì nhân thọ nên đạt được cái vui chân thật của Như Lai. Thọ của Như Lai gọi là thọ rốt ráo, là thọ đệ nhất nghĩa. Tánh thọ của chúng sinh tuy vô thường nhưng lại tuần tự nối tiếp chẳng gián đoạn, cho nên đạt được thọ chân thường của Như Lai. Ví như có người họ Kiều-thi-ca, tuy người vô thường nhưng họ là thường, trải qua ngàn vạn đời cũng không đổi khác. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy, do vậy

nên nói thọ là Phật tánh.

Lại có người nói tướng chính là Phật tánh. Vì sao? Vì nhân duyên tướng nên đạt được tướng chân thật của Như Lai. Tướng Như Lai gọi là vô tướng. Tướng vô tướng thì chẳng phải tướng về chúng sinh, chẳng phải tướng về nam nữ, cũng chẳng phải tướng về sắc thọ tướng hành thức, chẳng phải tướng tướng đoạn. Tướng của chúng sinh tuy vô thường nhưng do tướng theo thứ lớp tiếp nối nhau chẳng dứt nên đạt được tướng thường hằng của Như Lai. Này thiện nam! Ví như mười hai nhân duyên của chúng sinh, chúng sinh tuy diệt nhưng nhân duyên thì thường. Phật tánh của chúng sinh cũng lại như vậy, cho nên nói tướng là Phật tánh.

Lại có người nói hành là Phật tánh. Vì sao? Vì hành gọi là thọ mạng, mà do nhân duyên thọ mạng nên đạt được thọ mạng thường trụ của Như Lai. Thọ mạng của chúng sinh tuy vô thường, nhưng thọ mạng theo thứ lớp nối tiếp nhau chẳng dứt nên được thọ mạng thường hằng chân thật của Như Lai. Này thiện nam! Ví như Mười hai bộ loại kinh văn, người nghe, người nói kinh tuy vô thường nhưng kinh đó thường tồn bất biến. Phật tánh của chúng sinh cũng lại như vậy, cho nên nói hành là Phật tánh.

Lại có người nói thức là Phật tánh. Do nhân duyên thức nên đạt được tâm bình đẳng của Như Lai. Ý thức của chúng sinh tuy vô thường nhưng thức theo thứ lớp nối tiếp nhau nên đạt được tâm thường hằng chân thật của Như Lai. Như tánh nóng của lửa, lửa tuy vô thường nhưng tánh nóng chẳng phải vô thường. Phật tánh của chúng sinh cũng lại như vậy, cho nên nói thức là Phật tánh.

Lại có người nói xa lìa ấm có ngã, ngã là Phật tánh. Vì sao? Vì nhân duyên ngã nên đạt được tám ngã tự tại của Như Lai.

Có các ngoại đạo cho rằng: đi, đến, thấy, nghe, buồn, vui, nói năng là ngã. Tuy tướng ngã ấy vô thường nhưng ngã chân thật của Như Lai là thường.

Như ấm, nhập, giới tuy vô thường nhưng vẫn gọi là thường. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy.

Này thiện nam! Như những người kia mỗi người đều nói hình

tướng của voi, tuy chẳng đúng nhưng đều nói tướng của voi, người nói Phật tánh cũng như thế, chẳng phải là sáu pháp nhưng cũng chẳng lìa sáu pháp.

Này thiện nam! Vì thế nên Ta nói Phật tánh của chúng sinh chẳng phải là sắc nhưng chẳng lìa sắc, cho đến chẳng phải ngã nhưng chẳng lìa ngã. Này thiện nam! Có các ngoại đạo tuy nói có ngã nhưng thật ra không có ngã. Ngã của chúng sinh tức là năm ấm, lìa ngoài năm ấm ấy thì không có ngã riêng biệt.

Này thiện nam! Ví như cọng lá, tua, đài hợp lại thành tàng hoa sen, tách rời những thứ này thì không có hoa sen riêng biệt. Ngã của chúng sinh cũng như thế.

Này thiện nam! Ví như tường vách tranh gỗ hòa hợp lại mới gọi là nhà, tách rời những thứ ấy ra thì không có nhà riêng biệt. Như cây Khư-đà-la, cây Ba-la-xa, cây Ni-câu-đà, cây Uất-đàn-bát hợp lại thành rừng, tách rời những cây này thì không có rừng riêng biệt. Ví như binh xe, binh voi, binh ngựa, binh bộ hợp lại thành quân đội, tách rời những thứ này thì không có quân đội riêng biệt. Ví như những sợi chỉ năm màu hợp lại dệt thành vải ngũ sắc, tách rời những thứ này ra thì không có vải ngũ sắc riêng biệt. Như bốn họ hợp lại mới gọi là đại chúng, tách rời những họ này thì không có đại chúng riêng biệt. Ngã của chúng sinh cũng như thế, tách rời năm ấm thì không có ngã riêng biệt.

Này thiện nam! Như Lai thường trụ thì gọi là ngã. Pháp thân của Như Lai vô biên, vô ngại, chẳng sinh, chẳng diệt, đạt được tám thứ tự tại thì gọi là ngã. Chúng sinh quả thật không có ngã và ngã sở như vậy, chỉ chắc chắn đạt được “không” đệ nhất nghĩa rốt ráo nên gọi là Phật tánh.

Này thiện nam! Đại từ đại bi gọi là Phật tánh. Vì sao? Vì đại từ đại bi thường theo Bồ-tát như bóng theo hình. Tất cả chúng sinh chắc chắn sẽ đạt được đại từ đại bi, cho nên nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Đại từ đại bi gọi là Phật tánh, Phật tánh gọi là Như Lai. Đại hỷ đại xả là Phật tánh. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát chẳng thể xả bỏ được hai mươi năm cõi thì không thể đạt được quả Vô thượng Chánh

đẳng Chánh giác. Vì các chúng sinh chắc chắn sẽ đạt được, cho nên nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Đại hỷ đại xả tức là Phật tánh, Phật tánh tức là Như Lai. Phật tánh gọi là đại tín tâm. Vì sao? Vì do tín tâm nên Đại Bồ-tát có thể đầy đủ Bồ thí Ba-la-mật cho đến Trí tuệ Ba-la-mật. Vì tất cả chúng sinh chắc chắn sẽ đạt được đại tín tâm cho nên nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Đại tín tâm tức là Phật tánh, Phật tánh tức là Như Lai. Phật tánh gọi là địa Nhất tử. Vì sao? Vì do nhân duyên địa Nhất tử nên Bồ-tát được tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh. Vì tất cả chúng sinh chắc chắn sẽ đạt được địa Nhất tử vì vậy nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Địa Nhất tử tức là Phật tánh, Phật tánh tức là Như Lai. Phật tánh là trí lực thứ tư. Vì sao? Vì do nhân duyên trí lực thứ tư nên Bồ-tát có thể giáo hóa chúng sinh. Vì tất cả chúng sinh chắc chắn sẽ đạt được trí lực thứ tư nên nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Trí lực thứ tư tức là Phật tánh, Phật tánh tức là Như Lai. Phật tánh là mười hai nhân duyên. Vì sao? Vì do nhân duyên nên Như Lai được thường trụ. Tất cả chúng sinh chắc chắn có mười hai nhân duyên như vậy nên nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Mười hai nhân duyên tức là Phật tánh, Phật tánh tức là Như Lai. Phật tánh gọi là bốn trí vô ngại. Vì do nhân duyên bốn trí vô ngại nên nói chữ nghĩa vô ngại. Vì chữ nghĩa vô ngại nên có thể giáo hóa chúng sinh. Bốn vô ngại tức là Phật tánh, Phật tánh tức là Như Lai. Phật tánh là đánh Tam-muội. Vì do tu đánh Tam-muội này nên có thể thâm tóm tất cả pháp Phật cho nên nói đánh Tam-muội là Phật tánh. Bồ-tát Thập trụ tu tập Tam-muội này chưa được đầy đủ, nên tuy thấy Phật tánh nhưng chẳng rõ ràng. Vì tất cả chúng sinh chắc chắn sẽ đạt được nên nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh.

Này thiện nam! Như đủ các loại pháp đã nói ở trên, vì tất cả chúng sinh chắc chắn sẽ đạt được cho nên nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh.

Này thiện nam! Nếu Ta nói sắc là Phật tánh thì tất cả chúng sinh nghe xong đều tà kiến điên đảo, do tà kiến điên đảo nên khi chết đọa vào địa ngục A-tỳ. Đức Như Lai thuyết pháp để dứt địa ngục cho nên chẳng nói sắc là Phật tánh, cho đến nói thức cũng như

vậy.

Này thiện nam! Nếu các chúng sinh hiểu rõ Phật tánh thì chẳng cần tu tập Thánh đạo. Bồ-tát Thập trụ tu tám Thánh đạo còn thấy Phật tánh lỡ mờ hưởng gì là người chẳng tu mà thấy được chăng?

Này thiện nam! Các Bồ-tát như Văn-thù-sư-lợi v.v... trải qua vô lượng đời tu tập Thánh đạo nên biết rõ Phật tánh. Hàng Thanh văn cùng Phật-bích-chi làm sao có thể biết được Phật tánh. Nếu chúng sinh muốn được biết rõ Phật tánh thì phải nên nhất tâm thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải nói, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán kinh Niết-bàn này. Nếu thấy người nào thọ trì cho đến tán thán kinh điển như vậy thì phải nên đem những thứ tốt đẹp như: nhà cửa, y phục, thức ăn uống, ngọc cụ, thuốc thang cho người bệnh mà cung cấp cho họ, lại cùng tán thán, lễ bái, thăm hỏi.

Này thiện nam! Nếu người nào đã ở trong quá khứ vô thượng vô biên đời gần gũi cúng dường vô lượng chư Phật, trồng sâu căn lành, về sau mới được nghe tên kinh này. Này thiện nam! Phật tánh chẳng thể nghĩ bàn. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh nhưng chẳng có thể biết được, cũng chẳng thể nghĩ bàn. Pháp thường, lạc, ngã, tịnh của Như Lai cũng chẳng thể nghĩ bàn, tất cả chúng sinh có thể tin kinh Đại Niết-bàn như vậy cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy tất cả chúng sinh đều có thể tin kinh Đại Niết-bàn như vậy là chẳng thể nghĩ bàn thì bạch Thế Tôn! Trong đại chúng này có tám vạn năm ngàn ức người không có lòng tin đối với kinh này, do vậy nên người nào có thể tin kinh này thì gọi người đó chẳng nghĩ bàn.

–Này thiện nam! Những người như vậy trong đời vị lai cũng sẽ chắc chắn tin được kinh điển này, được thấy Phật tánh và đạt được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát bất thoái tự biết chắc chắn có tâm bất thoái?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát nên dùng khổ hạnh để thí nghiệm tâm mình: một ngày ăn một hạt mè, trong bảy ngày; gạo tẻ, đậu xanh, hạt cải, cháo nhừ, và dùng đậu trắng cũng như vậy, mỗi thứ bảy ngày.

Lúc ăn một hạt mè Bồ-tát suy nghĩ như vậy: “Khổ hạnh như vậy đều không có lợi ích, việc không có lợi ích còn có thể làm được, huống gì là việc có lợi ích mà lại không làm. Đối với việc không có lợi ích tâm có thể chịu đựng được chẳng thoái chẳng chuyển, cho nên chắc chắn sẽ đạt được quả Bồ-đề Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Chắc sẽ đạt được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trong những ngày tu tập khổ hạnh như vậy, tất cả da thịt khô dần dần như cứt trái bầu tươi phơi giữa trưa. Mắt của Bồ-tát thụt sâu vào như sao đáy giếng, thịt hết gân lồi như nhà tranh hư mục, xương sống lộ lên như dây thừng, chỗ của Bồ-tát ngồi như dấu móng chân ngựa, muốn ngồi thì quy xuống, muốn đứng thì ngã nghiêng. Tuy chịu sự khổ không lợi ích như vậy nhưng tâm Bồ-đề chẳng thoái chuyển.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát vì muốn phá các khổ, ban sự an lạc cho chúng sinh, cho đến có thể xả bỏ của cải trong ngoài và thân mạng mình như bỏ cỏ khô. Nếu có thể chẳng tiếc thân mạng này như vậy thì Bồ-tát tự biết chắc chắn sẽ có được tâm bất thoái, chắc chắn là mình sẽ đạt được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại nữa, Bồ-tát vì nhân duyên pháp mà khoét thân làm đèn, quán bông vào da thịt, đổ dầu vào đốt lên làm tim. Lúc Bồ-tát chịu sự khổ lớn như vậy, tự nhủ tâm mình: “Sự khổ này đối với sự khổ ở địa ngục không bằng một phần trong trăm ngàn vạn phần. Ở trong vô lượng trăm ngàn kiếp, người chịu sự khổ nào lớn đều không có chút lợi ích, nếu người chẳng thể chịu sự khổ này thì làm sao có thể ở trong địa ngục cứu khổ cho chúng sinh”. Lúc Đại Bồ-tát suy nghĩ như vậy thì thân chẳng cảm thấy khổ, tâm chẳng thoái, chẳng động, chẳng chuyển. Bấy giờ Bồ-tát nên biết chắc là mình sẽ đạt được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Lúc ấy Bồ-tát còn đầy đủ phiền não chưa thể đoạn dứt được, nhưng vì nhân duyên pháp nên có thể đem đầu, mắt, tủy, não, tay chân, máu thịt bố thí cho chúng sinh, lấy đinh đóng trên thân, nhảy xuống vực sâu, nhảy

vào trong lửa. Bồ-tát tuy chịu vô lượng các khổ như vậy, nhưng nếu tâm chẳng thoái, chẳng động, chẳng chuyển thì bấy giờ Bồ-tát này tự biết mình chắc chắn có tâm bất thoái, sẽ đạt được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát vì phá trừ khổ cho tất cả chúng sinh nên nguyện làm thân súc sinh to lớn, đem thân, máu, thịt bố thí cho chúng sinh. Lúc chúng sinh đến nhận lấy, Bồ-tát lại sinh tâm thương xót. Lúc đó Bồ-tát nín hơi chẳng thở làm như tướng chết, để cho những người đến lấy thịt chẳng có tưởng nghi ngờ mình giết hại. Dầu Bồ-tát thọ thân súc sinh nhưng hoàn toàn chẳng tạo nghiệp súc sinh. Vì sao? Này thiện nam! Vì Bồ-tát đã được tâm bất thoái, hoàn toàn chẳng tạo nghiệp trong ba đường ác. Nếu đời vị lai, Bồ-tát có những quả báo của nghiệp ác nhiều như vi trần không nhất định thọ nhưng do sức đại nguyện vì chúng sinh nên đều thọ hết. Ví như người bệnh bị quỷ dựa ẩn ở trong thân, do oai lực của chú thuật nên liền hiện tướng: hoặc nói, hoặc cười, hoặc giận, hoặc chửi, hoặc khóc, hoặc khóc to. Trong đời vị lai, Đại Bồ-tát chịu lấy nghiệp trong ba đường ác cũng vậy. Lúc Bồ-tát thọ lấy thân gấu, thường vì chúng sinh mà diễn nói chánh pháp, hoặc lúc thọ thân chim ca-tân-xà-la, vì chúng sinh mà diễn nói chánh pháp, hoặc thọ thân cú vọ, thân nai, thân hổ, thân voi, thân dê núi, thân khỉ vượn, thân bồ câu trắng, thân sí điểu, thân rồng, thân rắn. Lúc thọ những thân súc sinh như vậy nhưng hoàn toàn chẳng gây tạo nghiệp ác súc sinh, thường vì những chúng sinh súc sinh khác mà diễn nói chánh pháp, làm cho những súc sinh ấy nhờ nghe pháp nên mau thoát được thân súc sinh. Bấy giờ Bồ-tát tuy thọ thân súc sinh nhưng chẳng tạo nghiệp ác, nên biết chắc chắn có tâm bất thoái. Đại Bồ-tát ở đời đói khát thấy chúng sinh đói khát nên nguyện làm thân rùa, thân cá dài vô lượng do-tuần, lại nguyện như vậy: Nguyện các chúng sinh lúc lấy thịt của tôi, ăn thịt của tôi được xa lìa khổ đói khát, tất cả đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát phát nguyện: Người nào do ăn thịt tôi mà xa lìa sự đói khát thì đời vị lai mau được xa lìa tai họa đói khát trong hai mươi năm cõi. Đại Bồ-tát chịu sự khổ như vậy mà tâm chẳng thoái chuyển thì nên biết chắc chắn sẽ đạt được quả Vô thượng Chánh

đẳng Chánh giác.

Lại nữa, Bồ-tát ở trong đời bệnh dịch thấy người bệnh khổ liền suy nghĩ như thế này: Như cây thuốc hay, nếu có người bệnh nào lấy rễ, lấy cọng, lấy cành, lấy lá, lấy hoa, lấy quả, lấy vỏ, lấy vỏ ngoài thì đều trị được lành bệnh, tôi nguyện thân này cũng như vậy, nếu người bệnh nào nghe tiếng, chạm đến thân, ăn thịt, uống máu cho đến nhai xương tủy thì đều lành bệnh, nguyện các chúng sinh lúc ăn thịt tôi như ăn thịt con chẳng sinh tâm ác. Tôi trị cho họ được lành bệnh rồi sẽ thường vì họ mà thuyết pháp. Nguyện họ nghe pháp kính tin, lãnh thọ, suy ngẫm rồi đem dạy lại cho người khác.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát đầy đủ phiền não, tuy thân chịu khổ nhưng tâm chẳng thoái, chẳng động, chẳng chuyển, biết chắc chắn sẽ được tâm bất thoái và đạt được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, này thiện nam! Chúng sinh nào bị quỷ làm bệnh, Bồ-tát thấy xong liền nguyện như vậy: Nguyện làm thân quỷ to lớn, thân mạnh mẽ, thân nhiều quyến thuộc khiến người bệnh kia thấy liền được lành bệnh. Đại Bồ-tát vì chúng sinh nên siêng tu khổ hạnh, tuy có khổ não nhưng tâm chẳng nhiễm ô.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát khi tu hành sáu Ba-la-mật vô thượng nguyện: Nay tôi đem sáu Ba-la-mật này bố thí cho tất cả chúng sinh, chúng sinh nào nhận lấy sự bố thí của tôi rồi đều được thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tôi cũng vì sáu Ba-la-mật mà siêng tu khổ hạnh chịu các sự khổ não. Lúc đang chịu khổ tôi nguyện chẳng thoái tâm Bồ-đề. Này thiện nam! Lúc Đại Bồ-tát phát nguyện như vậy thì gọi là tướng chẳng thoái tâm Bồ-đề.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát biết rõ sinh tử có nhiều tội lỗi, thấy Đại Niết-bàn có công đức lớn, vì các chúng sinh nên ở trong sinh tử chịu đủ thứ khổ nhưng tâm không thoái chuyển, do đó nên gọi Bồ-tát chẳng nghĩ bàn.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát không có nhân duyên nhưng vẫn sinh tâm thương xót, thật chẳng thọ ơn mà thường thi ơn,

tuy thi ơn nhưng chẳng cầu báo đáp, vì vậy nên gọi là chẳng nghĩ bàn.

Lại nữa, này thiện nam! Hoặc có chúng sinh vì lợi ích cho mình nên tu các khổ hạnh. Đại Bồ-tát vì lợi ích của người khác mà tu hành khổ hạnh, đó gọi là tự lợi, do vậy nên Bồ-tát lại gọi là chẳng nghĩ bàn.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát đầy đủ phiền não vì phá oán thân nên chịu các khổ để tu tâm bình đẳng, vì vậy nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Lại nữa, Bồ-tát thấy chúng sinh ác bất thiện hoặc quở trách hoặc nói lời dịu ngọt, hoặc đuổi đi hoặc xả bỏ họ. Đối với người có tánh ác thì hiện nói dịu dàng, đối với người kiêu mạn thì hiện làm đại kiêu mạn nhưng trong tâm của Bồ-tát thật không kiêu mạn. Đó gọi là phương tiện của Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn.

Lại nữa, Bồ-tát đầy đủ phiền não, lúc của cải ít mà người cầu xin nhiều nhưng Bồ-tát chẳng nhỏ hẹp. Đó gọi là Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn.

Lại nữa, lúc Phật ra đời, Bồ-tát biết công đức của Phật, nhưng vì chúng sinh nên Bồ-tát thọ thân nơi biên địa chỗ không có Phật, như đui, như điếc, như què, như thọt. Đó gọi là Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn.

Lại nữa, Bồ-tát biết rõ chúng sinh có những tội lỗi, nhưng vì muốn độ thoát nên Bồ-tát thường đi chung với họ, tuy thuận theo ý họ nhưng vẫn không nhiễm lấy tội lỗi. Do đó nên gọi Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn.

Lại nữa, Bồ-tát thấy rõ ràng không có tướng chúng sinh, không có phiền não nhiễm ô, không người tu tập Thánh đạo xa lìa phiền não, tuy là Bồ-đề nhưng không có hạnh Bồ-đề, cũng không có người thành tựu hạnh Bồ-đề, không có người chịu khổ và người diệt khổ, nhưng cũng có thể vì chúng sinh diệt sự khổ, thực hành hạnh Bồ-đề. Cho nên lại gọi chẳng thể nghĩ bàn.

Lại nữa, Bồ-tát thọ thân cuối cùng ở cung trời Đâu-suất, đó cũng gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì cõi trời Đâu-suất-đà là

trên hết trong cõi Dục, người ở cõi trời dưới thì tâm họ buông lung, người ở cõi trời trên thì các căn tối tăm, do vậy nên gọi là hơn. Tu thí, tu giới thì được thân cõi trời trên và cõi dưới. Tu thí, tu giới và tu định thì được thân trời Đâu-suất. Tất cả Bồ-tát đều chê bai các cõi, hủy phá các cõi, không bao giờ tạo nghiệp trời Đâu-suất để thọ thân nơi cõi trời đó. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát ở nơi các cõi khác thì cũng đều có thể giáo hóa thành tựu chúng sinh. Bồ-tát thật không có tâm dục nhưng lại sinh vào cõi Dục. Do đó nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ-tát sinh ở cõi trời Đâu-suất có ba việc hơn: một là mạng, hai là sắc, ba là danh. Đại Bồ-tát thật chẳng cần mạng, sắc và danh, tuy không có tâm mong cầu nhưng vẫn được chỗ tốt đẹp. Đại Bồ-tát rất ưa thích Niết-bàn nhưng có nhân duyên còn hơn nữa. Do đó lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ-tát tuy có ba việc hơn chư Thiên như vậy, nhưng chư Thiên đối với Bồ-tát hoàn toàn chẳng sinh tâm giận, tâm ganh ghét, tâm kiêu mạn, mà thường sinh tâm hoan hỷ. Bồ-tát đối với chư Thiên cũng chẳng kiêu mạn, do vậy nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Bồ-tát chẳng tạo nghiệp thọ mạng mà ở nơi cõi trời Đâu-suất kia được thọ mạng rất ráo, đó gọi là hơn về thọ. Bồ-tát cũng không tạo nghiệp sắc mà sắc thân của Bồ-tát đẹp đẽ, ánh sáng chiếu khắp. Đó gọi là hơn về sắc. Đại Bồ-tát ở nơi cõi trời ấy chẳng ưa thích năm dục, chỉ làm pháp sự, do vậy nên tiếng khen vang khắp cả mười phương. Đó gọi là hơn về danh. Do đó nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ-tát từ cõi trời Đâu-suất giáng sinh, lúc ấy cả mặt đất chấn động sáu cách. Do đó nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì lúc Bồ-tát giáng sinh, chư Thiên cõi Dục và cõi Sắc đều đến hầu hạ đưa tiễn, phát ra âm thanh lớn tán thán Bồ-tát, do hơi gió nơi miệng chư Thiên nên làm mặt đất chấn động. Loài người, voi chúa trong loài người gọi là Long vương. Lúc Long vương mới nhập thai, có các Long vương ở dưới mặt đất này hoặc sợ hoặc vui nên mặt đất chấn động sáu cách. Do vậy nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ-tát biết lúc nhập thai, lúc trụ thai, lúc ra khỏi thai, biết cha, biết mẹ, chẳng tịnh chẳng nhiễm ô như bảo châu màu xanh trên búi tóc của Đế Thích. Do đó nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Này thiện nam! Kinh Đại Niết-bàn cũng như vậy, chẳng thể

nghĩ bàn. Nay thiện nam! Ví như biển cả có tám điều chẳng thể nghĩ bàn. Những gì là tám? Một là lần lần càng sâu, hai là sâu khó đến đáy, ba là đồng một vị mặn, bốn là thủy triều chẳng quá hạn, năm là đủ loại kho báu, sáu là những chúng sinh to lớn ở trong đó, bảy là chẳng chứa tử thi, tám là tất cả vạn dòng đổ về cùng mưa lớn xối xuống mà biển chẳng thêm chẳng bớt. Nay thiện nam! Biển lần lần càng sâu do ba điều. Những gì là ba? Một là phước lực của chúng sinh, hai là thuận gió mà chảy, ba là vì nước trong sông đổ vào. Cho đến chẳng thêm chẳng bớt cũng có ba điều. Kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu này cũng như vậy, có tám điều chẳng thể nghĩ bàn. Một là lần lần thêm sâu, đó là từ giới Ưu-bà-tắc, giới Sa-di, giới Tỳ-kheo, giới Bồ-tát, quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Phật-bích-chi, quả Bồ-tát, cho đến quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Kinh Đại Niết-bàn này nói những pháp như vậy, gọi là lần lần thêm sâu. Hai là sâu khó đến đáy: Như Lai Thế Tôn chẳng sinh chẳng diệt, chẳng đạt được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng chuyển pháp luân, chẳng ăn, chẳng thọ, chẳng thực hành bố thí, do vậy nên gọi là thường, lạc, ngã, tịnh. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, Phật tánh chẳng phải sắc cũng chẳng lìa sắc, chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức, chẳng lìa v.v... cho đến thức, là thường trụ, có thể thấy, liễu nhân chẳng phải là tác nhân. Tu-đà-hoàn cho đến Phật-bích-chi sẽ đạt được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không phiền não, cũng không trụ xứ, dầu không phiền não nhưng chẳng gọi là thường, do đó nên gọi là sâu. Lại có nghĩa sâu xa, ở trong kinh này, hoặc có lúc nói ngã, hoặc nói vô ngã, hoặc có lúc nói thường, hoặc lúc nói vô thường, hoặc có lúc nói là tịnh, hoặc lúc nói là bất tịnh, hoặc lúc nói vui, hoặc lúc nói khổ, hoặc lúc nói không, hoặc lúc nói chẳng không, hoặc lúc nói tất cả đều có, hoặc lúc nói tất cả đều không, hoặc nói ba thừa, hoặc nói một thừa, hoặc nói năm ấm tức là Phật tánh, là Tam-muội Kim cang và trung đạo, Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, mười hai nhân duyên, Đệ nhất nghĩa không, từ bi, bình đẳng. Đối với đánh trí tín tâm của các chúng sinh, biết các căn, lực, không chướng ngại đối với tất cả các pháp, tuy có Phật tánh nhưng chẳng nói chắc chắn. Do đó nên gọi là

sâu. Ba là đồng một vị: tất cả chúng sinh đồng có Phật tánh, đều đồng nhất thừa, đồng một giải thoát, một nhân một quả, đồng một cam lồ, tất cả sẽ được thưởng, lạc, ngã, tịnh. Đó gọi là đồng một vị. Bốn là thủy triều chẳng quá hạn: Như trong kinh này cấm chế các Tỳ-kheo chẳng được cất chứa tám vật bất tịnh. Đệ tử của Ta có thể thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải nói, phân biệt kinh điển Đại Niết-bàn vì điều này thì chẳng thà mất thân mạng chứ hoàn toàn chẳng hủy phạm. Đó gọi là thủy triều chẳng quá hạn. Năm là có đủ loại kho báu: Kinh này tức là kho báu vô thượng. Kho báu ấy, tức là bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Thánh đạo, hạnh Anh nhi, hạnh Thánh, hạnh Phạm, hạnh Thiên, những phương tiện thiện, Phật tánh của chúng sinh, công đức của Bồ-tát, công đức của Như Lai, công đức của Thanh văn, công đức của Duyên giác, sáu Ba-la-mật, vô lượng Tam-muội, vô lượng trí tuệ. Đó gọi là những kho báu. Sáu là nơi cư trú của chúng sinh có to lớn, chúng sinh có thân to lớn, đó là Phật và Bồ-tát, vì có trí tuệ lớn nên gọi là chúng sinh to lớn. Vì thân lớn, vì tâm lớn, vì trang nghiêm lớn, vì điều phục lớn, vì phương tiện lớn, vì thuyết pháp lớn, vì oai lực lớn, vì đồ chúng lớn, vì thần thông lớn, vì từ bi lớn, vì thường chẳng biến đổi, vì tất cả chúng sinh không chướng ngại, vì bao trùm tất cả các chúng sinh, nên gọi là chỗ ở của chúng sinh có thân to lớn. Bảy là chẳng chứa tử thi: Tử thi đây là Nhất-xiển-đề, phạm bốn trọng tội, năm tội vô gián, phỉ báng kinh Phương Đẳng, phi pháp nói là chánh pháp, chánh pháp nói là phi pháp, nhận chứa tám thứ vật bất tịnh, tự ý thọ dụng vật của Phật, vật của Tăng, làm việc phi pháp đối với Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni. Đó gọi là tử thi. Kinh Niết-bàn này lia những việc như vậy, cho nên gọi là chẳng chứa tử thi. Tám là chẳng thêm chẳng bớt: vì không biên vực, vì không đầu cuối, vì chẳng phải sắc, vì chẳng phải tạo tác, vì thường trụ, vì chẳng sinh diệt, vì đều bình đẳng, vì tất cả tánh đồng một tánh, nên là không thêm không bớt. Vì vậy kinh này có tám điều chẳng thể nghĩ bàn như biển cả kia.

Bồ-tát sư tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai chẳng sinh chẳng diệt gọi là sâu xa.

Tất cả chúng sinh có bốn loại sinh: sinh bằng trứng, sinh bằng thai, sinh ở chỗ ẩm thấp, sinh bằng cách biến hóa. Trong bốn loại sinh này thì con người có đủ, như Tỳ-kheo Thi-bà-la, Tỳ-kheo Ưu-bà-thi-bà-la, mẹ của Trưởng giả Oi-ca-la, mẹ của Trưởng giả Ni-câu-đa, mẹ của Trưởng giả Bán-xà-la, mỗi người đều có năm trăm người con đồng sinh bằng trứng. Do đó nên biết trong loài cũng có sinh bằng trứng. Người sinh ở chỗ ẩm thấp, như lời Phật dạy: Thuở trước, lúc Ta tu hạnh Bồ-tát làm vua Đảnh Vương và vua Thủ Sinh, và như nay nói, cô gái sinh nơi cây Yêm-la và cô gái sinh nơi cây Ca-bát-đa, cho nên biết rằng trong loài người cũng có người sinh ra ở chỗ ẩm thấp. Thuở kiếp sơ, tất cả chúng sinh thấy đều hóa sinh. Như Lai Thế Tôn đã được tám thứ tự tại, vì nhân duyên gì mà chẳng hóa sinh?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Tất cả chúng sinh từ nơi bốn loài mà sinh ra, được pháp của bậc Thánh rồi thì chẳng còn sinh bằng trứng và sinh ở chỗ ẩm thấp như trước. Này thiện nam! Chúng sinh thuở kiếp sơ thấy đều hóa sinh. Trong thời kỳ ấy không có Phật ra đời. Này thiện nam! Chúng sinh nào lúc mang bệnh khổ thì cần thầy, cần thuốc. Thuở kiếp sơ chúng sinh đều hóa sinh, tuy có phiền não nhưng bệnh phiền não chưa phát, vì vậy Như Lai chẳng xuất hiện ở đời ấy. Chúng sinh thuở kiếp sơ, thân tâm của họ chẳng phải pháp khí, vì thế nên Như Lai chẳng xuất hiện trong đời ấy. Này thiện nam! Các sự nghiệp của Như Lai Thế Tôn hơn các chúng sinh. Đó là: dòng họ, quyến thuộc, cha mẹ, vì hơn họ nên hãy nói ra điều gì mọi người đều tin thọ. Vì vậy nên Như Lai chẳng thọ hóa sinh. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh, hoặc là cha làm theo nghề nghiệp của con, hoặc là con làm theo nghề nghiệp của cha. Như Lai Thế Tôn nếu thọ hóa thân thì không có cha mẹ. Nếu không có cha mẹ thì làm sao khiến tất cả các chúng sinh thực hành các nghiệp thiện? Vì vậy nên Như Lai chẳng thọ hóa thân. Này thiện nam! Trong chánh pháp của Phật có hai loại giữ gìn: một là trong, hai là ngoài. Giữ gìn bên trong đó là giới cấm. Giữ gìn bên ngoài đó là bà con quyến thuộc. Nếu Như Lai thọ hóa thân thì không giữ gìn bên ngoài. Vì vậy nên Như Lai chẳng thọ hóa thân. Này thiện nam! Có người ỷ dòng họ mà sinh tâm kiêu mạn, vì

muốn phá sự kiêu mạn như vậy nên Như Lai giáng sinh trong dòng họ cao quý, chẳng thọ hóa thân. Nay thiện nam! Như Lai Thế Tôn có cha mẹ thật, cha tên là Tịnh Phạn, mẹ tên là Ma-da, nhưng các chúng sinh còn nói Như Lai là người huyền hóa, thì làm sao mà thọ thân hóa sinh? Nếu thọ hóa thân thì làm sao có được Xá-lợi! Như Lai vì muốn chúng sinh tăng trưởng phước đức nên làm nát thân thể của mình thành Xá-lợi để cho chúng sinh cúng dường. Vì vậy nên Như Lai chẳng thọ hóa thân. Tất cả chư Phật đều không hóa sinh thì vì sao riêng ta lại thọ hóa thân!

Bấy giờ Bồ-tát Sư Tử Hống chấp tay, quỳ gối xuống đất, nói kệ tán thán Phật:

*Như Lai có vô lượng công đức
Nay con chẳng thể trình bày đủ
Nay vì chúng sinh nói một phần
Xin Phật thương xót cho con nói
Chúng sinh đi trong tối vô minh
Chịu đủ vô biên trăm thứ khổ
Phật có thể khiến họ xa lìa
Nên đời gọi Phật là đại bi
Chúng sinh qua lại dây sinh tử
Phóng túng mê man chẳng an vui.
Phật có thể ban cho an lạc
Do đó dứt hẳn dây sinh tử
Vì Phật ban chúng sinh an vui
Nên chẳng tham muốn vui của mình
Phật vì chúng sinh tu khổ hạnh
Nên thế gian đều cúng dường Phật
Thấy người chịu khổ thân run rẩy
Nên ở địa ngục chẳng biết đau
Phật vì chúng sinh chịu khổ lớn
Nên là vô lượng không ai hơn
Phật vì chúng sinh tu khổ hạnh
Thành tựu đủ sáu Ba-la-mật*

Ở trong gió tà tâm chẳng động
Nên hơn được Đại sĩ trong đời
Chúng sinh thường muốn được an vui
Mà chẳng biết tu nhân an lạc
Phật có thể dạy bảo tu tập
Giống như cha lành thương con một
Phật thấy chúng sinh khổ phiền não
Tâm khổ như mẹ lo con bệnh
Thường nghĩ những phương tiện lìa bệnh
Nên thân Phật hệ thuộc nơi người
Tất cả chúng sinh tạo các khổ
Tâm họ điên đảo cho là vui
Phật diễn nói khổ vui chân thật
Nên đời gọi Phật là đại bi
Đời đều ở trong vô minh
Không có mở trí không thể phá
Mở trí của Phật phá vỡ được
Nên gọi Phật là bậc lớn nhất
Chẳng bị hệ thuộc trong ba đời
Không có danh tự nên giả gọi
Hiểu biết nghĩa sâu của Niết-bàn
Nên gọi Phật là bậc Đại Giác
Có sông xoáy chuyển nhận chúng sinh
Vô minh mù lòa chẳng biết ra
Phật tự độ mình độ được người
Nên gọi Phật là thuyền trưởng lớn
Biết rõ được tất cả nhân quả
Cũng lại thông đạt đạo tịch diệt
Thường ban thuốc pháp cứu chúng sinh
Nên đời gọi Phật là Y vương
Ngoại đạo tà kiến nói khổ hạnh
Nhân đây nên được vui vô thượng
Như Lai diễn nói hạnh chân lạc

Làm cho chúng sinh hưởng an vui
Như Lai Thế Tôn phá đạo tà
Chỉ dạy chúng sinh đường chân chánh
Ai đi đường này được an vui
Nên đời gọi Phật là Đạo sư
Chẳng phải mình và người tạo ra
Chẳng phải cùng làm, không nhân làm
Đức Phật giảng nói việc thọ khổ
Hơn hẳn tất cả các ngoại đạo
Thành tựu đầy đủ Giới Định Tuệ
Cũng đem pháp này dạy chúng sinh
Khi đem pháp thí không tham tiếc
Cho nên Phật hiệu Vô Duyên Từ
Không tạo tác cũng không nhân duyên
Đạt được báo không nhân không quả
Do đó tất cả các bậc trí
Khen Như Lai chẳng cầu báo đáp
Thường cùng đời làm việc buông lung
Mà chẳng bị buông lung ô nhiễm
Nên gọi Phật chẳng thể nghĩ bàn
Tám pháp thế gian chẳng làm nhiễm
Như Lai Thế Tôn không oán, thân
Nên tâm của Phật thường bình đẳng
Con, Sư Tử Hống tán thán Phật
Rống như vô lượng sư tử rống.

